

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
BIỂN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 46



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 08 ngày 07 tháng 06 năm 2021 về việc thay đổi chức danh của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội bộ ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021
Ông Ngô Trọng Phán	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2021
Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Đăng Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Huy Vũ	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đăng Phúc	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Băng Phúc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

5-ĐC
IÁN
TY
MHI
VÀ
C
HÀ
A -

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
		kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam	
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
		kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam	
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
		kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam	
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996
		kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0509 21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		555.260.966.824	554.715.149.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	154.257.172.037	82.841.204.189
1. Tiền	111		127.757.172.037	67.341.204.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.500.000.000	15.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		283.344.264.426	414.248.970.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	240.196.217.712	392.733.775.027
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.783.896.001	7.969.366.080
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		31.853.950	23.853.950
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	44.814.930.940	26.059.805.933
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.625.210.239)	(12.537.830.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		142.576.062	-
IV. Hàng tồn kho	140		106.578.588.014	49.928.504.991
1. Hàng tồn kho	141	V.7	106.578.588.014	49.928.504.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.080.942.347	7.696.469.758
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.486.371.535	5.191.062.300
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.593.690.801	2.505.407.458
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	880.011	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.259.940.197.545	1.266.472.858.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		29.316.521.578	29.339.021.578
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		20.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	29.296.521.578	29.339.021.578
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.046.100.608.686	957.517.424.697
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.044.630.294.008	955.476.311.484
<i>Nguyên giá</i>	222		2.461.510.208.960	2.384.719.331.161
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.416.879.914.952)	(1.429.243.019.677)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.063.540.773	1.609.620.188
<i>Nguyên giá</i>	225		1.954.941.271	2.741.157.634
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(891.400.498)	(1.131.537.446)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	406.773.905	431.493.025
<i>Nguyên giá</i>	228		1.144.215.000	1.097.685.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(737.441.095)	(666.191.975)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	6.698.148.143	53.927.632.800
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.698.148.143	53.927.632.800
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		133.704.781.642	168.323.945.455
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	133.704.781.642	168.323.945.455
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		44.120.137.496	57.364.834.263
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	44.120.137.496	57.364.834.263
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.815.201.164.369	1.821.188.008.482

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		993.266.747.592	973.187.898.543
I. Nợ ngắn hạn	310		462.082.155.857	467.959.585.140
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	134.076.129.850	142.695.374.892
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	104.553.656	34.859.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13.285.351.923	21.020.878.257
4. Phải trả người lao động	314		9.680.629.279	8.331.333.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	56.831.654.775	44.180.246.678
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	6.265.933.000	2.704.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	44.237.941.072	35.063.587.618
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	190.720.122.360	208.947.492.846
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	6.879.839.942	4.981.311.316
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		531.184.591.735	505.228.313.403
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	901.500.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	23.700.000	23.700.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	531.160.891.735	504.303.113.403
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		821.934.416.777	848.000.109.939
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	821.934.416.777	848.000.109.939
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.000.000.000	265.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		246.987.890.406	209.168.303.272
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.697.380.199	27.631.515.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		119.427.484.528	187.738.484.073
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.544.554.190	187.738.484.073
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.882.930.338	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		162.821.661.644	158.461.807.534
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.815.201.164.369	1.821.188.008.482

Người lập biểu



Trần Quốc Bảo

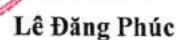
Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	575.062.000.525	601.160.757.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	478.365.823	715.405.173
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		574.583.634.702	600.445.352.783
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	448.007.464.974	466.724.485.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		126.576.169.728	133.720.866.978
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	4.783.801.671	1.481.132.615
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	31.296.014.120	38.663.126.462
Trong đó: chi phí lãi vay	23		30.647.057.355	38.408.362.549
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.912.517.157	5.397.108.285
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	11.090.385.089	6.942.407.294
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	34.860.857.653	28.661.527.694
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.025.231.694	66.332.046.428
12. Thu nhập khác	31	VI.8	14.508.045.628	2.463.893.381
13. Chi phí khác	32	VI.9	568.985.890	785.970.961
14. Lợi nhuận khác	40		13.939.059.738	1.677.922.420
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.964.291.432	68.009.968.848
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.171.010.884	6.067.615.316
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.793.280.548	61.942.353.532
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48.773.407.857	52.400.217.065
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		13.019.872.691	9.542.136.467
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.841	1.977
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.841	1.977

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.964.291.432	68.009.968.848
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10,11	107.570.466.367	113.086.406.234
- Các khoản dự phòng	03	VI.7	1.087.380.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	181.722.251	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(19.760.073.380)	(7.560.016.174)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	30.647.057.355	38.408.362.549
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		191.690.844.025	211.944.721.457
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		126.638.573.420	37.237.310.164
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(56.650.083.023)	9.853.360.335
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.428.421.484	(30.665.472.040)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.304.567.848	4.340.642.718
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(37.300.585.949)	(50.752.585.359)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(20.039.443.567)	(11.482.595.181)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	100.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.469.368.162)	(12.098.120.985)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		223.602.926.076	158.477.261.109
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(158.377.134.679)	(4.407.817.472)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		25.004.199.920	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		40.846.452.413	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135.121.808	1.051.301.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(92.419.360.538)	(6.356.516.353)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.732.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	233.836.279.769	173.611.817.262
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(224.979.081.962)	(201.930.183.984)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(226.789.961)	(4.860.523.810)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.300.000.000)	(61.430.515.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.669.592.154)	(92.877.405.632)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		71.513.973.384	59.243.339.124
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	82.841.204.189	89.560.922.564
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(98.005.536)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	154.257.172.037	148.804.261.688

Người lập biểu

Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con (03 Công ty con trực tiếp, 01 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị	51%	51%	51%	51%
Công ty cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	66,67%	66,67%	60%	60%
Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc	722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	54%	54%	54%	54%
Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*)	162/24 Đường 42, Khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống	51%	51%	51%	51%

(*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	Thôn Kiêu Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	31%	40%	31%	40%

5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lý do
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today	40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	20%	20%	Công ty đang thực hiện thủ tục giải thể.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 638 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 563 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	632.102.005	862.301.832
Tiền gửi ngân hàng	127.125.070.032	66.478.902.357
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ^(*)	26.500.000.000	15.500.000.000
Cộng	154.257.172.037	82.841.204.189

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 3.500.000.000 VND (xem thuyết minh số V.19a).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Du lịch và Giải trí Sài Gòn Today ⁽ⁱ⁾	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	2.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ ⁽ⁱⁱ⁾	121.249.370.000	12.455.411.642	33.704.781.642	156.450.800.000	10.873.145.455	167.323.945.455
Cộng	123.249.370.000	10.455.411.642	133.704.781.642	158.450.800.000	9.873.145.455	168.323.945.455

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313304172 ngày 31 tháng 07 năm 2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Du lịch và Giải trí Sài Gòn Today có vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 200.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch và Giải trí Sài Gòn Today, chiếm 20% vốn điều lệ (số đầu năm là 200.000 cổ phiếu). Công ty Cổ phần Du lịch và Giải trí Sài Gòn Today đang tiến hành thủ tục giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2301021818 ngày 13 tháng 3 năm 2018, thay đổi lần thứ tư ngày 29 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có vốn điều lệ là 126.170.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 3.911.270 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ, chiếm 31% vốn điều lệ (số đầu năm là 5.046.800 cổ phiếu).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Lợi nhuận trong kỳ	Phân phối các quỹ trong kỳ	Thanh lý một phần khoản đầu tư	Số dư cuối kỳ
Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Sài Gòn Today	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ	167.323.945.455	4.912.517.157	(491.251.716)	(38.040.429.254)	133.704.781.642
Cộng	168.323.945.455	3.912.517.157	(491.251.716)	(38.040.429.254)	133.704.781.642

Giao dịch với các công ty liên kết

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các công ty liên kết trong kỳ

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>53.058.589.833</i>	<i>106.014.425.877</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty - Tân Cảng Sài Gòn	25.869.239.098	81.347.095.815
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	312.100.000	312.100.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	514.885.125	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	1.969.000.000	821.463.500
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cetro - Cái Mép Thị Vải	17.421.169.688	16.500.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	488.074.760	488.074.760
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	3.554.498.274	6.545.691.802
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	2.278.750.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	650.872.888	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>187.137.627.879</i>	<i>286.719.349.150</i>
Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro	30.739.942.117	39.832.688.394
Công ty TNHH MTV Linh Ngọc Ngân	6.418.557.288	6.418.557.288
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	8.955.299.060	7.970.308.846
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu.	3.233.000.000	-
PTSC Marine	25.430.171.275	21.165.016.795
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	7.421.536.627	70.902.965.492
Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,	-	28.963.169.430
Các khách hàng khác	104.939.121.512	111.466.642.905
Cộng	<u>240.196.217.712</u>	<u>392.733.775.027</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>11.783.896.001</i>	<i>7.969.366.080</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công Trình Hàng Hải (CMB)	705.000.000	705.000.000
Caterpillar Marine Asia Pacific Pte, Ltd	749.994.705	-
Tổng Công Ty Ba Son - Công ty TNHH MTV- Chi phí sửa chữa tàu	4.494.410.015	3.967.181.680
Các nhà cung cấp khác	5.834.491.281	3.297.184.400
Cộng	<u>11.783.896.001</u>	<u>7.969.366.080</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>16.598.997.759</i>	<i>-</i>	<i>18.568.228.367</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	16.598.997.759	-	18.568.228.367	-
+ <i>Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh</i>	14.761.927.866	-	17.877.602.312	-
+ <i>Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	1.837.069.893	-	690.626.055	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	28.122.933.181	-	7.491.577.566	-
Các khoản ký quỹ	13.314.307.300	-	1.331.836.268	-
Tạm ứng	13.536.200.196	-	3.617.194.108	-
Thuế GTGT chờ khấu trừ	326.687.730	-	85.469.447	-
Tiền giảm giá thuê canteen	-	-	200.454.545	-
Tài sản thiếu xử lý	-	-	127.518.764	-
Dự thu lãi tiền gửi	8.681.370	-	15.077.808	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.030.056.585	-	2.114.026.626	-
Cộng	44.814.930.940	-	26.059.805.933	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	20.848.453.078	-	20.848.453.078	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	20.848.453.078	-	20.848.453.078	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.448.068.500	-	8.490.568.500	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	8.448.068.500	-	8.490.568.500	-
Cộng	29.296.521.578	-	29.339.021.578	-

⁽ⁱ⁾ Là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 182.240.576.584 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 91.120.288.292 VND. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân	Từ 2 đến 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)	Từ 2 đến 3 năm	2.037.066.570	(1.425.946.599)
	Trên 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)	Trên 3 năm	4.381.490.718	(4.381.490.718)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải	Từ 1 đến 2 năm	700.000.000	(350.000.000)	Từ 1 đến 2 năm	700.000.000	(350.000.000)
Jungwon Maritime Pte Ltd	Từ 6 tháng đến 1 năm	21.333.438.645	(6.380.392.922)	Từ 6 tháng đến 1 năm	21.333.438.645	(6.380.392.922)
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Nam Phát Đạt	Từ 2 đến 3 năm	1.553.400.000	(1.087.380.000)		-	-
Cộng		29.939.933.693	(13.625.210.239)		28.386.533.693	(12.537.830.239)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.537.830.239	3.209.278.644
Trích lập dự phòng bổ sung	1.087.380.000	-
Số cuối kỳ	13.625.210.239	3.209.278.644
7. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.821.104.580	2.129.530.167
Công cụ dụng cụ	12.013.144	34.651.649
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	103.153.430.926	46.304.308.764
<i>Chi phí dở dang hoạt động cho thuê tài sản</i>	<i>63.142.419.532</i>	<i>24.911.293.122</i>
<i>Chi phí dở dang dịch vụ ngoài khơi</i>	<i>39.686.740.826</i>	<i>21.318.447.236</i>
<i>Chi phí dịch vụ khác</i>	<i>324.270.568</i>	<i>74.568.406</i>
Thành phẩm	7.305.756	2.384.698
Hàng hóa	1.584.733.608	1.457.629.713
Cộng	106.578.588.014	49.928.504.991
8. Chi phí trả trước		
8a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	3.238.471.676	3.727.192.013
Chi phí sửa chữa tài sản	498.807.616	158.625.157
Chi phí công cụ dụng cụ	555.669.664	387.811.560
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	26.392.353	-
Chi phí khác	1.167.030.226	917.433.570
Cộng	5.486.371.535	5.191.062.300
8b. Chi phí trả trước dài hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	7.336.865.587	8.192.966.563
Chi phí bảo hiểm	15.200.000	26.600.000
Chi phí sửa chữa tàu	24.506.135.234	33.370.739.629
Chi phí duy tu cảng, đường bãi container	8.183.918.017	10.710.173.572
Chi phí thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu	701.029.165	1.145.436.667
Chi phí đăng kiểm	47.564.640	95.129.280
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.348.793.778	1.718.100.336
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	251.107.576	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.729.523.499	2.105.688.216
Cộng	44.120.137.496	57.364.834.263

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	442.962.381.799	1.138.863.926.459	790.535.172.988	11.159.629.660	1.198.220.255	2.384.719.331.161
Mua trong kỳ	-	-	205.530.089.336	-	30.000.000	205.560.089.336
Phân loại lại	-	1.787.212.227	(1.787.212.227)	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	786.216.363	-	-	786.216.363
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(129.555.427.900)	-	-	(129.555.427.900)
Số cuối kỳ	442.962.381.799	1.140.651.138.686	865.508.838.560	11.159.629.660	1.228.220.255	2.461.510.208.960
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	278.439.172.398	265.873.484.289	10.203.801.157	10.387.961.559	257.818.182	565.162.237.585
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	378.500.116.870	706.358.432.314	332.707.446.941	10.695.321.590	981.701.962	1.429.243.019.677
Khấu hao trong kỳ	14.371.100.224	48.710.784.044	43.691.742.031	375.201.017	127.096.013	107.275.923.329
Phân loại lại	-	54.157.946	(54.157.946)	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	463.430.866	-	-	463.430.866
Thanh lý, nhượng bán trong kỳ	-	-	(120.102.458.920)	-	-	(120.102.458.920)
Số cuối kỳ	392.871.217.094	755.123.374.304	256.706.002.972	11.070.522.607	1.108.797.975	1.416.879.914.952
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	64.462.264.929	432.505.494.145	457.827.726.047	464.308.070	216.518.293	955.476.311.484
Số cuối kỳ	50.091.164.705	385.527.764.382	608.802.835.588	89.107.053	119.422.280	1.044.630.294.008
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 106.512.607.418 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.741.157.634	(1.131.537.446)	1.609.620.188
Khấu hao trong kỳ	-	(223.293.918)	(223.293.918)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(786.216.363)	463.430.866	(322.785.497)
Số cuối kỳ	1.954.941.271	(891.400.498)	1.063.540.773

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn

sử dụng

-

-

-

Chờ thanh lý

-

-

-

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm chương trình máy tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.097.685.000	(666.191.975)	431.493.025
Mua trong kỳ	46.530.000	-	46.530.000
Khấu hao trong kỳ	-	(71.249.120)	(71.249.120)
Số cuối kỳ	1.144.215.000	(737.441.095)	406.773.905

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn

sử dụng

448.600.000

-

-

Chờ thanh lý

-

-

-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	47.229.484.657	158.330.604.679	(205.560.089.336)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	6.698.148.143	-	-	6.698.148.143
Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang (*)	542.740.734	-	-	542.740.734
Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng (*)	3.013.636.364	-	-	3.013.636.364
Dự án khác	3.141.771.045	-	-	3.141.771.045
Cộng	53.927.632.800	158.330.604.679	(205.560.089.336)	6.698.148.143

(*) Các dự án dở dang đang chờ hướng dẫn triển khai dự án từ các cơ quan nhà nước trong tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Phải trả người bán****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>16.775.967.772</i>	<i>12.401.361.989</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	5.871.543.690	2.695.624.433
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	6.072.000.000	4.851.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hải sản Trường Sa	3.625.486.603	3.943.571.340
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	861.937.479	818.815.478
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	345.000.000	-
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	-	90.131.378
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	-	2.219.360
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>117.300.162.078</i>	<i>130.294.012.903</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu	6.883.773.999	7.217.756.244
Norwegian Oil Trading (Singapore) Pte Ltd	8.572.898.081	-
Công ty Cổ phần Tàu Dịch vụ Dầu khí HD Marine	12.227.355.921	12.227.355.921
Aussie Offshore Services Limited	13.724.018.128	13.744.973.998
Đình Văn Học	-	10.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	75.892.115.949	87.103.926.740
Cộng	<u>134.076.129.850</u>	<u>142.695.374.892</u>

13b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>279.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	279.000	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>104.274.656</i>	<i>34.859.725</i>
Các khách hàng khác	104.274.656	34.859.725
Cộng	<u>104.553.656</u>	<u>34.859.725</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.569.522.588	5.760.928.398	(4.916.475.967)	2.413.975.019	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	23.804.701.667	(23.804.701.667)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	625.229.965	(625.229.965)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	18.422.827.717	9.711.743.410	(19.580.176.093)	8.554.395.034	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên liên doanh nộp hộ	-	-	459.267.474	(459.267.474)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	484.673.575	4.751.585.963	(3.401.030.582)	1.836.108.967	880.011
Thuế nhà thầu	-	543.854.377	588.864.430	(651.845.904)	480.872.903	-
Tiền thuê đất	-	-	16.308.054	(16.308.054)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	497.146.000	(497.146.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	43.470.160	(43.470.160)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	21.000.000	(21.000.000)	-	-
Cộng		21.020.878.257	46.280.245.521	(54.016.651.866)	13.285.351.923	880.011

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế 0%
- Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ 5%
- Hàng hóa, dịch vụ còn lại 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.940.632.000	8.940.632.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng	8.940.632.000	8.940.632.000
Sài Gòn - Tiền thuê đất		
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	47.891.022.775	35.239.614.678
Lãi vay phải trả	11.994.217.129	18.647.745.723
Chi phí thuê tàu phải trả	22.120.447.927	10.268.037.074
Chi phí nhiên liệu phải trả	965.965.214	852.327.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.743.645.474	637.703.140
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.066.747.031	4.833.801.613
Cộng	56.831.654.775	44.180.246.678

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	2.253.750.000	2.704.500.000
Việt Nam – Doanh thu cho thuê tài sản		
Ocentra Offshore Pte Ltd - Doanh thu cho thuê	4.012.183.000	-
tàu vận chuyển		
Cộng	6.265.933.000	2.704.500.000

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	22.136.122.606	24.314.212.714
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân		
Cảng Sài Gòn	21.728.184.631	21.654.608.072
+ Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả	225.024.631	151.448.072
+ Cổ tức phải trả	21.503.160.000	21.503.160.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	407.937.975	2.659.604.642
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	22.101.818.466	10.749.374.904
Tài sản thừa chờ giải quyết	126.810.427	87.587.588
Kinh phí công đoàn	346.412.392	291.416.895
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất		
ngiệp	300.028.156	312.758.593
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	17.025.700.000	5.565.699.000
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch biển	519.445.695	519.445.695
Tân Cảng		
Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng -		
Nhận vốn hợp tác kinh doanh ⁽ⁱ⁾	1.769.618.000	1.772.480.000
Các khoản chi hộ phải trả	1.383.162.909	1.520.209.305
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	630.640.887	679.777.828
Cộng	44.237.941.072	35.063.587.618

- (i) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Dịch vụ Bay) để thực hiện dự án quản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An điều dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Dịch vụ Bay mua lại phần vốn góp của VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Dịch vụ Bay không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

18b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ ký cược.

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	94.276.111.494	126.936.301.614
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	31.964.823.826	30.631.735.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú	-	36.025.417.685
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ⁽ⁱⁱ⁾	62.311.287.668	60.279.148.529
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	96.126.996.605	81.625.894.140
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	317.014.261	385.297.092
Cộng	190.720.122.360	208.947.492.846

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 2143/2038/N/CTD ngày 16/11/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50 tỷ VND, thời hạn vay đến 16/11/2021. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 từ 5,5% đến 6%/năm tùy theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền hưởng bảo hiểm phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine); cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND; thế chấp Cầu RTG 6 + 1 (Xem thuyết minh V.1)

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo hợp đồng tín dụng ngày 30/09/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80 tỷ VND, thời hạn vay đến 30/09/2021. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 từ 6,0% đến 6,5%/năm tùy theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 02 cầu bờ Container hiệu Kocks.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	126.936.301.614	120.562.879.769	-	(153.223.069.889)	94.276.111.494
Vay dài hạn đến hạn trả	81.625.894.140	-	55.314.049.535	(40.812.947.070)	96.126.996.605
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	385.297.092	-	158.507.130	(226.789.961)	317.014.261
Cộng	208.947.492.846	120.562.879.769	55.472.556.665	(194.262.806.920)	190.720.122.360

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	319.833.246.902	272.237.536.440
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú ⁽ⁱ⁾	64.949.646.902	77.073.536.437
Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga ⁽ⁱⁱ⁾	35.621.600.000	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	51.688.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ^(iv)	167.574.000.000	195.164.000.003
Vay dài hạn các tổ chức khác	23.800.000.000	23.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam ^(v)	23.800.000.000	23.800.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác ^(vi)	187.100.000.000	207.679.425.000
Nợ thuê tài chính ^(vii)	427.644.833	586.151.963
Cộng	531.160.891.735	504.303.113.403

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng sau:

Tại Công ty mẹ:

Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 11 năm 2017 và ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 từ 6,9% đến 9,4%/ năm cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020. Mục đích vay để đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bền; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530. Thời hạn vay từ 60 đến 120 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 là 7% đến 9%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng.

(ii) Khoản Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng vay Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vững Tàu theo hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 04/2021/84611/HĐTDH.DN ngày 04 tháng 5 năm 2021 để đầu tư mua tàu TC Eagle. Tổng số tiền vay tối đa 48.258.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất thả nổi. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(iii) **Khoản Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng vay Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam theo hợp đồng sau:**

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/CMC/102021/HDTD/TANCANG ngày 26 tháng 4 năm 2021 để đầu tư mua tàu TC Dolphin. Tổng số tiền vay tối đa 65.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất cố định 7%/năm trong suốt thời gian vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo các hợp đồng sau:**

Tại Công ty mẹ:

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất áp dụng trong năm 2021 là 8,1%. Khoản vay được đảm bảo bằng hai cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer.

Tại Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc:

Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng ngày 16 tháng 01 năm 2019 để thanh toán các chi phí mua tàu Tân Cảng 86, hạn mức cho vay là 65.000.000.000 VND. Thời hạn vay 84 tháng kể ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Tàu Tân Cảng 86.

(v) **Khoản Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam theo các hợp đồng sau:**

Hợp đồng vay số 01/2016/HTKD/SNP-TCOTS ngày 07 tháng 12 năm 2016 để thực hiện đầu tư dự án “Hàng không chung”. Thời hạn hợp tác phụ thuộc vào thời gian đầu tư dự án, nhưng không dưới 01 năm. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam được hưởng lợi tức cố định là 9%/năm trên tổng vốn góp hợp tác kinh doanh (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án).

Hợp đồng vay số 01/2020/TCOTS/WISECO ngày 16/11/2020 để thực hiện đầu tư mua tàu Tân Cảng Pacific Vigour. Thời hạn hợp đồng là 2 năm từ ngày 16/11/2020 đến 16/11/2022 với lãi suất cố định 11,4%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vi) **Khoản vay dài hạn các cá nhân khác theo các hợp đồng sau:**

Tại Công ty mẹ:

Là khoản vay dài hạn các cá nhân khác để tăng cường vốn cho hoạt động offshore, lãi suất cố định 9%/năm và khoản vay dài hạn các cá nhân để đầu tư mua tàu, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks, lãi suất từ 9% - 25%/năm tùy từng loại hình đầu tư. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Vay Ông Lê Đăng Phong theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 2018/HĐHTKD năm 2018 để thực hiện đầu tư mua sắm tàu TC Fortune. Thời hạn hợp tác phụ thuộc vào thời gian đầu tư dự án, nhưng không dưới 01 năm. Ông Lê Đăng Phong được hưởng lợi tức cố định là 9%/năm trên tổng vốn góp hợp tác kinh doanh (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án).

(vii) **Nợ thuê tài chính công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:**

Tại Công ty mẹ:

Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng ký kết năm 2018. Tài sản thuê là các phương tiện vận tải (xe ô tô) với số tiền cho thuê là 2.080.000.000 VND đã bao gồm VAT, thời hạn thuê từ 36 tháng đến 48 tháng, tùy từng hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 85.19.01/CTTC ngày 20 tháng 2 năm 2019, tài sản thuê là 2 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-ĐL. Thời hạn thuê 72 tháng với lãi suất thuê như sau: Trong 6 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên: Lãi suất thuê cố định 9,4%/năm. Trong thời gian còn lại, áp dụng lãi suất thuê tài chính cơ bản bằng VNĐ do VCBL công bố cộng biên độ 2,2%/năm. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	415.960.243.507	96.126.996.605	293.379.246.902	26.454.000.000
Vay dài hạn các tổ chức	23.800.000.000	-	23.800.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân	187.100.000.000	-	187.100.000.000	-
Nợ thuê tài chính	744.659.094	317.014.261	427.644.833	-
Cộng	627.604.902.601	96.444.010.866	541.201.436.735	26.454.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	353.863.430.580	81.625.894.140	226.188.691.338	46.048.845.102
Vay dài hạn các tổ chức	23.800.000.000	-	23.800.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân	207.679.425.000	-	207.679.425.000	-
Nợ thuê tài chính	971.449.055	385.297.092	343.374.207	242.777.756
Cộng	586.314.304.635	82.011.191.232	458.011.490.545	46.291.622.858

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	272.237.536.440	113.273.400.000	(10.363.640.003)	(55.314.049.535)	319.833.246.902
Vay dài hạn các tổ chức khác	23.800.000.000	-	-	-	23.800.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	207.679.425.000	-	(20.579.425.000)	-	187.100.000.000
Nợ thuê tài chính	586.151.963	-	-	(158.507.130)	427.644.833
Cộng	504.303.113.403	113.273.400.000	(30.943.065.003)	(55.472.556.665)	531.160.891.735

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	500.714.016	6.554.282.461	(6.647.424.548)	407.571.929
Quỹ phúc lợi	2.154.889.189	7.584.213.660	(7.933.054.725)	1.806.048.124
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.325.708.111	4.229.400.667	(1.888.888.889)	4.666.219.889
Cộng	4.981.311.316	18.367.896.788	(16.469.368.162)	6.879.839.942

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	265.000.000.000	172.424.805.950	164.864.029.291	27.643.218.416	148.940.644.910	778.872.698.567
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	52.400.217.065	-	9.542.136.467	61.942.353.532
Trích lập các quỹ	-	35.772.134.421	(51.869.594.911)	-	-	(16.097.460.490)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	971.362.901	(1.794.735.763)	69.296.644	(705.632.966)	(1.459.709.184)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(60.950.000.000)	-	(12.258.384.000)	(73.208.384.000)
Thù lao HĐQT công ty con	-	-	(264.917.304)	-	(254.528.391)	(519.445.695)
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	1.732.000.000	1.732.000.000
Số dư cuối kỳ trước	265.000.000.000	209.168.303.272	102.384.998.378	27.712.515.060	146.996.236.020	751.262.052.730
Số dư đầu năm nay	265.000.000.000	209.168.303.272	187.738.484.073	27.631.515.060	158.461.807.534	848.000.109.939
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	48.773.407.857	-	13.019.872.691	61.793.280.548
Trích lập các quỹ	-	36.252.005.720	(52.565.408.293)	-	-	(16.313.402.573)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	1.567.581.414	(3.077.747.393)	65.865.139	(1.310.018.581)	(2.754.319.421)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(60.950.000.000)	-	(7.350.000.000)	(68.300.000.000)
Phân phối quỹ tại Công ty liên kết	-	-	(491.251.716)	-	-	(491.251.716)
Số dư cuối kỳ nay	265.000.000.000	246.987.890.406	119.427.484.528	27.697.380.199	162.821.661.644	821.934.416.777

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	93.492.000.000	93.492.000.000
Các cổ đông khác	171.508.000.000	171.508.000.000
Cộng	265.000.000.000	265.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**21c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.500.000	26.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.500.000	26.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 2.092.424,99 USD (số đầu năm là 74,705,66 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	105.912.485.583	123.674.797.102
Doanh thu cho thuê tài sản	88.067.047.884	265.131.037.659
Doanh thu dịch vụ lai đất	75.712.223.059	51.162.107.442
Doanh thu dịch vụ ngoài khơi	271.424.173.462	124.498.843.039
Doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh	6.273.421.466	6.177.291.822
Doanh thu bán thành phẩm	9.475.710.121	10.609.735.788
Doanh thu hoạt động khác	19.687.641.211	19.906.945.104
Cộng	575.062.000.525	601.160.757.956

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê tài sản cho các đơn vị:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	86.184.331.248	111.273.843.037
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	931.911.198	1.109.370.361
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép	30.000.000.000	30.000.000.000
Thị Vải		
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	5.370.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các đơn vị:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	11.255.566.924	11.212.929.154
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui	1.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	235.614.091	64.963.637
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải	428.658.189	235.348.911
<i>Doanh thu bán hàng hóa cho các đơn vị:</i>		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.408.566.431	9.199.678.715
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	904.685.228	925.984.461
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	38.988.471	326.965.285
Hàng bán bị trả lại	439.377.352	388.439.888
Cộng	478.365.823	715.405.173
3. Giá vốn hàng bán		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	95.383.075.838	113.232.288.229
Giá vốn của hoạt động cho thuê tài sản	163.353.737.836	211.905.952.759
Giá vốn của dịch vụ lai đất	56.245.124.566	38.323.241.915
Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi	102.889.391.437	72.051.056.881
Giá vốn từ hoạt động hợp tác kinh doanh	3.977.084.099	3.655.194.052
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.825.769.705	7.049.512.377
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	22.648.111.154	20.507.239.592
Cộng	448.007.464.974	466.724.485.805
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	135.121.808	435.932.271
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.375.236	10.104.267
Lãi tiền cho vay	101.317.813	261.935.617
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	2.806.023.159	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.693.155.655	727.018.591
Chiết khấu thanh toán	5.711.000	46.141.869
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.097.000	-
Cộng	4.783.801.671	1.481.132.615

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	30.647.057.355	38.408.362.549
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	467.234.514	254.763.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	181.722.251	-
Cộng	31.296.014.120	38.663.126.462

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.193.881.214	4.518.901.657
Chi phí vật liệu, bao bì	69.550.317	51.359.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	518.234.853	127.865.218
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.968	-
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	4.445.000	10.589.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.880.856.823	1.796.843.419
Các chi phí khác	1.422.670.914	436.848.018
Cộng	11.090.385.089	6.942.407.294

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.965.184.553	17.484.582.253
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	338.300.573	10.049.772
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.006.156.249	582.078.262
Chi phí khấu hao TSCĐ	837.755.203	869.145.736
Thuế, phí và lệ phí	134.064.962	114.576.177
Dự phòng phải thu khó đòi	1.087.380.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.783.219.299	7.044.040.997
Chi phí bằng tiền khác	4.708.796.814	2.557.054.497
Cộng	34.860.857.653	28.661.527.694

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý vật tư	200.000	-
Xử lý vật tư thừa do kiểm kê	466.956.689	765.515.314
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	25.589.570.000	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	32.018	-
Tiền bồi thường	1.117.165.000	1.602.150.000
Thu nhập khác	17.280.665	96.228.067
Cộng	14.508.045.628	2.463.893.381

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	165.553.240	54.937.905
Tiền bảo hiểm chậm nộp	3.763.144	1.213.096
Xử lý vật tư thiếu do kiểm kê	392.940.433	725.059.454
Tiền phạt vi phạm hành chính	400.000	281.400
Chi phí khác	6.329.073	4.479.106
Cộng	568.985.890	785.970.961

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	48.773.407.857	52.400.217.065
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	48.773.407.857	52.400.217.065
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	26.500.000	26.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.841	1.977

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.845.143.114	106.345.589.364
Chi phí nhân công	78.825.548.603	75.073.947.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	94.622.336.594	112.873.634.517
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.080.684.123	142.240.073.311
Chi phí khác	20.298.604.215	13.825.669.411
Cộng	453.672.316.649	450.358.913.709

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch không có công nợ với các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Hội đồng quản trị					
Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch	-	-	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	125.000.000	125.000.000
Lê Đăng Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	463.320.000	103.667.525	100.000.00	566.987.525
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	227.800.000	80.400.000	-	308.200.000
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	257.100.000	84.800.000	-	341.900.000
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	204.813.636	84.800.000	-	289.613.636
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	275.400.000	63.498.720	-	338.898.720
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	275.400.000	68.557.175	-	343.957.175
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	275.400.000	63.760.625	-	339.160.625
Cộng		2.092.633.636	708.000.000	375.000.000	3.175.633.636
Kỳ trước					
Hội đồng quản trị					
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch	-	-	-	-
Nguyễn Sơn	Thành viên	-	-	-	-
Lê Đăng Phúc	Thành viên / Tổng Giám đốc	463.320.000	103.667.525	-	566.987.525
Ban Kiểm soát					
Phạm Huy Vũ	Trưởng Ban	220.800.000	40.967.525	-	261.767.525
Nguyễn Thị Gấm	Thành viên	252.000.000	57.610.250	-	309.610.250
Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	195.000.000	23.851.890	-	218.851.890
Ban Tổng Giám đốc					
Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	275.400.000	63.498.720	-	338.898.720
Phạm Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	275.400.000	68.557.175	-	343.957.175
Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	275.400.000	63.760.625	-	339.160.625
Cộng		1.957.320.000	421.913.710	-	2.379.233.710

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Thành viên góp vốn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải xếp dỡ Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Du lịch và Giải trí Sài Gòn Today	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ	Công ty liên kết
	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Mua dịch vụ, hàng hóa	3.183.377.118	2.129.139.217
Tiền thuê đất phải nộp Tổng công ty	-	4.470.316.000
Cổ tức phải trả Tổng công ty	21.503.160.000	21.503.160.000
Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:		
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	12.295.576	3.711.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.381.357.262	1.605.680.239
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	929.983.500	2.468.022.750
Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng	1.613.531.263	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	7.920.000.000	10.800.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	166.601.364
Mua nhiên liệu của các đơn vị		
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	-	19.910.616.319
Bù trừ công nợ		
Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh	-	2.259.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13a, V.14, V.18

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Tập đoàn cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	250.197.343.078	107.803.176.007	217.061.481.440	575.062.000.525
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.197.343.078	107.803.176.007	217.061.481.440	575.062.000.525
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	71.178.317.896	21.893.901.577	33.503.950.255	126.576.169.728
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(42.038.725.585)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				84.537.444.143
Doanh thu hoạt động tài chính				4.783.801.671
Chi phí tài chính				(31.296.014.120)
Thu nhập khác				14.508.045.628
Chi phí khác				(568.985.890)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.171.010.884)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				61.793.280.548
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	163.007.441.132	444.199.016	48.696.751.099	212.148.391.247
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	111.033.187.419	12.192.499.336	1.427.279.401	124.652.966.156

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	265.131.037.659	124.498.843.039	211.530.877.258	601.160.757.956
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	265.131.037.659	124.498.843.039	211.530.877.258	601.160.757.956
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	53.225.084.900	52.447.786.158	28.047.995.920	133.720.866.978
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(30.206.826.703)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				103.514.040.275
Doanh thu hoạt động tài chính				1.481.132.615
Chi phí tài chính				(38.663.126.462)
Thu nhập khác				2.463.893.381
Chi phí khác				(785.970.961)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.067.615.316)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				61.942.353.532
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.585.714.969	-	5.057.297.472	17.643.012.441
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	111.009.114.439	13.640.705.706	608.808.164	125.258.628.309

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	996.365.290.956	110.106.892.689	371.603.785.842	1.478.075.969.487
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	337.125.194.882
Tổng tài sản				1.815.201.164.369
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	585.399.982.158	123.409.247.277	86.189.580.282	794.998.809.718
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	198.267.937.874
Tổng nợ phải trả				993.266.747.592
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	985.485.809.941	173.235.939.855	306.792.155.262	1.465.513.905.058
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	355.674.103.424
Tổng tài sản				1.821.188.008.482
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	472.339.172.710	155.913.770.293	146.750.640.257	775.003.583.260
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	198.184.315.283
Tổng nợ phải trả				973.187.898.543

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu



Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Tổng Giám đốc



Lê Đăng Phúc

T.N.H.H. I.Q.V.